

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2019/KDTM-ST

Ngày: 26/11/2019

*V/v: “Kiện tranh chấp hợp
đồng tín dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, ĐẮK LẮK

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Thanh Hà.

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Tuyển. Cán bộ hưu trí.

2. Bà Hoàng Thị Hương. Cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Krông Pắc

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Thủy. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26/11/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thụ lý số 10/2019/TLST-KDTM ngày 02/5/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-DS, ngày 08/8/2019 và Quyết định hoãn phiên toà số 04/2019/QĐHPT ngày 06 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 18, đường Trần Hữu Dực, khu đô thị Mỹ Đình 1, Từ Liêm, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền khởi kiện: Ngân hàng N – Chi nhánh huyện K, Đắk Lắk.

Địa chỉ: 334B, đường G, thị trấn A, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Đình T. Chức vụ: Giám đốc chi nhánh.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thanh T1.

Chức vụ: Giám đốc PGD E – Ngân hàng N – Chi nhánh huyện K.

Địa chỉ: Km 19, Quốc lộ 26, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Có mặt)

- **Bị đơn:** Bà Hoàng Thị T2, sinh năm 1972; ông Lưu Xuân T3, sinh năm 1972.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lưu Xuân Q, sinh năm 1991.

Cùng nơi cư trú: Thôn 16, xã L, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/3/2019 và tại phiên toà hôm nay người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T1 trình bày: Trong quá trình thực hiện chức năng kinh doanh tiền tệ, trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận vào ngày 29/7/2016 Ngân hàng N – Chi nhánh huyện K – Đắk Lắk có ký hợp đồng tín dụng 5203-LAV-201600955 với bà Hoàng Thị T2, ông Lưu Xuân T3. Theo hợp đồng đã ký kết thì Ngân hàng đồng ý cho ông Lưu Xuân T3, bà Hoàng Thị T2 vay số tiền là 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng), lãi suất trong hạn 11%/năm, Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay: kinh doanh tạp hóa, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 29/7/2016. Phương thức thanh toán: Lãi trả theo quý (03 tháng), vốn trả khi hết thời hạn vay.

Để đảm bảo số nợ vay nói trên cho bà Hoàng Thị T2, ông Lưu Xuân T2 thì anh Lưu Xuân Q (là con đẻ của bà T2, ông T3) đồng ý đứng ra bảo lãnh số tiền vay của bà T2, ông T3 theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba, ngày 29/7/2016. Theo hợp đồng thế chấp thì anh Lưu Xuân Q đồng ý thế chấp cho ngân hàng Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy CN QSDĐ số AC 978076, thửa số 12, tờ bản đồ số 17 do UBND huyện K cấp cho hộ ông Phạm Thành T4 ngày 13/10/2005 và thay đổi cơ sở pháp lý chuyển quyền sử dụng đất cho anh Lưu Xuân Q ngày 18/7/2016

Theo hợp đồng tín dụng đã ký kết thì đến ngày 29/7/2017 bà Hoàng Thị T2, ông Lưu Xuân T3 phải trả cho ngân hàng chúng tôi 800.000.000đ nợ gốc và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng, tuy nhiên đến nay Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc bà Hoàng Thị T2, ông Lưu Xuân T2 trả nợ theo hợp đồng đã ký kết nhưng bà T2, ông T3 chỉ trả được 44.000.000đ tiền nợ lãi trong hạn rồi không trả thêm được khoản nợ nào khác là vi phạm nghiêm trọng hợp đồng tín dụng đã ký làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng chúng tôi.

Vì vậy Ngân hàng đã khởi kiện đề nghị Toà án tuyên buộc bà Hoàng Thị T2, ông Lưu Xuân T3 phải trả cho Ngân hàng khoảng nợ gốc là 800.000.000đ, khoản nợ lãi còn thiếu theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi trả nợ xong.

Trong trường hợp bà Hoàng Thị T2, ông Lưu Xuân T3 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên quyền phát mãi tài sản mà

anh Lưu Xuân Q đã thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy CN QSDĐ số AC 978076, thửa số 12, tờ bản đồ số 17 do UBND huyện K cấp cho hộ ông Phạm Thành T4 ngày 13/10/2005 và thay đổi cơ sở pháp lý chuyển quyền sử dụng đất cho anh Lưu Xuân Q ngày 18/7/2016 để đảm bảo việc thu hồi nợ vay cho Ngân hàng.

Tại đơn đề nghị đề ngày 04/6/2019 của bị đơn ông Lưu Xuân T3 gửi Tòa án nhân dân huyện K, bị đơn ông Lưu Xuân T3 thừa nhận lời khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về toàn bộ nội dung hợp đồng vay vốn và hợp đồng thế chấp các bên đã ký kết là có thật. Tuy nhiên ông Lưu Xuân T3 cho rằng hiện nay vợ chồng đã ly hôn, ông T3 không biết bà T2 hiện này đang ở đâu và ông T3 không có khả năng trả toàn bộ nợ cho ngân hàng. Căn cứ vào quyết định thuận tình ly hôn số 83/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 20/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk, thì về tài sản chung, nợ chung ông Lưu Xuân T3, bà Hoàng Thị T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Mặc khác khi vay vốn ông T3 không trực tiếp nhận tiền và không sử dụng tiền vốn vay nên không có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện K đã triệu tập hợp lệ và thông báo nhắc tìm người vắng mặt nơi cư trú đối với bà Hoàng Thị T2 và anh Lưu Xuân Q để các đương sự tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn ông Lưu Xuân T3, bà Hoàng Thị T2; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lưu Xuân Q đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được lời khai cũng như không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham dự phiên tòa phát biểu: Việc tiếp nhận đơn khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án, thụ lý và ra thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 85, và Điều 86, của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng bị đơn ông Lưu Xuân T2, bà Hoàng Thị T3 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị anh Lưu Xuân Q đã vi phạm tại các Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 30; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 323, Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N. Buộc vợ chồng ông Lưu Xuân T3, bà Hoàng Thị T2 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) tiền vay gốc và lãi suất phát sinh theo hợp đồng từ ngày vay đến ngày trả xong nợ. Trường hợp ông Lưu Xuân

T3, bà Hoàng Thị T2 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba, ngày 29/7/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định nội dung vụ án như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng N, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm Ngân hàng khởi kiện bị đơn ông Lưu Xuân T3 cư trú tại Thôn 16, xã Ea Kly, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Bà Hoàng Thị T2 anh Lưu Xuân Q có nơi cư trú cuối cùng tại Thôn 16, xã Ea Kly, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa lần thứ nhất bị đơn ông Lưu Xuân T3, bà Hoàng Thị T2; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lưu Xuân Q vắng mặt nên HĐXX đã hoãn phiên tòa và tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bị đơn ông Lưu Xuân T3, bà Hoàng Thị T2; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lưu Xuân Q. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Lưu Xuân T3, bà Hoàng Thị T2; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lưu Xuân Q vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Do vậy, HĐXX căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX xét thấy: Ngày 29/7/2016 bà Hoàng Thị T2, ông Lưu Xuân T3 có ký hợp đồng tín dụng số 5203-LAV-201600955 với Ngân hàng N – Chi nhánh huyện K – Đắk Lắk. Theo hợp đồng đã ký kết thì Ngân hàng đồng ý cho ông Lưu Xuân T3, bà Hoàng Thị T2 vay số tiền là 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng), lãi suất trong hạn 11%/năm, Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay: kinh doanh tạp hóa, thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày 29/7/2016. Phương thức thanh toán: Lãi trả theo quý (03 tháng), vốn trả khi hết thời hạn vay.

Theo hợp đồng tín dụng đã ký kết thì đến ngày 29/7/2017 bà Hoàng Thị T2, ông Lưu Xuân T3 phải trả cho ngân hàng 800.000.000đ nợ gốc và nợ lãi phát sinh

theo hợp đồng, nhưng bà T2, ông T3 từ khi ký kết hợp đồng tín dụng đến nay ông T3, bà T2 chỉ trả được cho Ngân hàng 44.000.000đ tiền nợ lãi rồi không trả thêm được khoản nợ nào là vi phạm nghiêm trọng hợp đồng tín dụng đã ký kết và Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng là có căn cứ, nên cần buộc ông Lưu Xuân T3, bà Hoàng Thị T2 phải trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc 800.000.000 đồng tiền gốc là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Về lãi suất: Theo thỏa thuận của các bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng nói trên thì mức lãi suất trong hạn là 12%/ năm, lãi suất quá hạn được tính 150% của lãi suất trong hạn. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, để tính lãi suất theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng, cụ thể như sau:

Tiền lãi trong hạn tính từ ngày 29/7/2016 đến ngày 29/7/2017 là: 366 ngày x $\{(800.000.000đ \times 11\%/năm) : 365\} = 88.241.096$ đồng. Đã trả 22.000.000đ vào ngày 30/9/2016 và 22.000.000đ vào ngày 01/3/2017. Tổng cộng đã trả 44.000.000đ. Còn nợ lại lãi trong hạn là 44.241.096đ.

Lãi quá hạn ngày 30/7/2017 đến ngày 26/11/2019 là 850 ngày x $\{(800.000.000đ \times 16,5\%/năm) : 365\} = 307.397.260$ đồng.

Tổng số tiền lãi trong hạn và quá hạn, tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm còn nợ của Ngân hàng là 351.638.356 đồng. Đối với tiền lãi chậm trả nguyên đơn không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Như vậy, số tiền cần buộc ông Lưu Xuân T3, bà Hoàng Thị T2 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N tổng cộng số tiền là: 1.151.638.356 đồng (Một tỷ một trăm năm mươi một triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm Lưu Xuân T3, bà Hoàng Thị T2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[4] Về hợp đồng thế chấp: Theo đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền trên đất và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số HQ201607291/HĐTC được công chứng tại phòng công chứng số 2 tỉnh Đắk Lắk và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K ngày 29/7/2016, tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy CN QSDĐ số AC 978076, thửa số 12, tờ bản đồ số 17 do UBND huyện Krông Pắc cấp cho hộ ông Phạm Thành T4 ngày 13/10/2005 và thay đổi cơ sở pháp lý chuyển quyền sử dụng đất cho anh Lưu Xuân Q ngày

18/7/2016. Xét việc ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa các đương sự đã ký kết là tự nguyện, tuân thủ nội dung và hình thức, đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Nên Tòa án công nhận Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ 3 giữa anh Lưu Xuân Q với Ngân hàng N là có thật và hợp pháp.

Sau khi ông Lưu Xuân T2, bà Hoàng Thị T3 thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng N có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho anh Lưu Xuân Q theo quy định của pháp luật.

Trường hợp ông Lưu Xuân T2, bà Hoàng Thị T3 không tự nguyện thanh toán đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Ngân hàng N có quyền xử lý tài sản thế chấp hoặc đề nghị cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ.

[5] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng được thực hiện theo yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng N. Căn cứ khoản 2 Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự thì nguyên đơn Ngân hàng N phải chịu toàn bộ lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 4.175.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 4.500.000 đồng nguyên đơn đã nộp tại Tòa án và Tòa án đã hoàn trả cho Ngân hàng N 325.000đ.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH- 14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Buộc ông Lưu Xuân T3, bà Hoàng Thị T2 phải chịu 46.549.000đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Theo mức tính: từ 800.000.000đ đến 2.00.000.000đ phải chịu 36.000.000đ + (351.638.356đ x 3%) = 46.549.000đ.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 22.011.333 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 180, Điều 92, 147, 157, 158, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 323, 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015.

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 1 điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH- 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc ông Lưu Xuân T3, bà Hoàng Thị T2 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền 1.151.638.356 đồng (Một tỷ một trăm năm mươi một triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng). Trong đó tiền vay gốc là 800.000.000 đồng, tiền lãi là 351.638.356 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm, ông Lưu Xuân T3, bà Hoàng Thị T2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp ông Lưu Xuân T3, bà Hoàng Thị T2 không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Ngân hàng N có quyền xử lý tài sản thế chấp hoặc đề nghị cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy CN QSDĐ số AC 978076, thửa số 12, tờ bản đồ số 17 do UBND huyện K cấp cho hộ ông Phạm Thành T4 ngày 13/10/2005 và thay đổi cơ sở pháp lý chuyển quyền sử dụng đất cho anh Lưu Xuân Q ngày 18/7/2016.

Sau khi ông Lưu Xuân T3, bà Hoàng Thị T2 thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng N có nghĩa vụ trả lại tài sản đã thế chấp gồm Giấy CN QSDĐ số AC 978076, thửa số 12, tờ bản đồ số 17 do UBND huyện K cấp cho hộ ông Phạm Thành T4 ngày 13/10/2005 và thay đổi cơ sở pháp lý chuyển quyền sử dụng đất cho anh Lưu Xuân Q ngày 18/7/2016 cho anh Lưu Xuân Q.

Về lệ phí: Nguyên đơn Ngân hàng N phải chịu 4.175.000 đồng tiền lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và đã nộp đủ 4.175.000 đồng nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Về án phí: Buộc ông Lưu Xuân T3, bà Hoàng Thị T2 phải chịu 46.549.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi chín triệu) tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 22.011.333 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai thu số AA/2017/0011215 ngày 26/4/2019.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K;
- Chi cục Thi hành án huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, V.P.

(Đã ký)

Võ Thanh Hà